

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

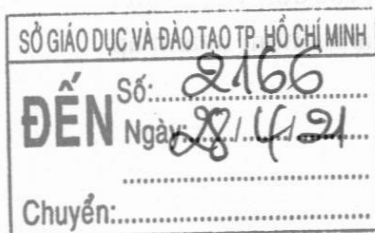
Số: 620 /ĐHQG-ĐH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2021

V/v triển khai phương thức ưu tiên xét
tuyển thẳng thí sinh giỏi nhất trường
THPT và ưu tiên xét tuyển học sinh
giỏi của các trường THPT vào
ĐHQG-HCM năm 2021

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo các Tỉnh/Thành phố;
- Ban Giám hiệu các trường Trung học phổ thông chuyên;
- Ban Giám hiệu các trường Phổ thông Năng khiếu;
- Ban Giám hiệu các trường Trung học phổ thông.



Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia; Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên; Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Công văn 1017/BGDĐT-GDDH ngày 16/3/2021 về việc rà soát, cung cấp và công bố thông tin tuyển sinh các hình thức đào tạo của trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và trình độ đại học năm 2021 (CV1017); Công văn 438/ĐHQG-ĐH ngày 29/3/2021 về việc đề án tuyển sinh năm 2021 của các trường đại học thành viên, khoa và phân hiệu trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM); Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2021 của ĐHQG-HCM và các đơn vị,

ĐHQG-HCM thông báo về việc triển khai phương thức tuyển sinh học sinh giỏi, xuất sắc đủ năng lực và nguyện vọng theo học tại các ngành/nhóm ngành của các trường đại học thành viên, khoa và phân hiệu trực thuộc ĐHQG-HCM năm 2021, thông tin cụ thể như sau:

1. Phương thức: ưu tiên xét tuyển thẳng (UTXTT) thí sinh giỏi nhất trường THPT năm 2021

1.1. Đối tượng

Áp dụng cho các trường trung học phổ thông (THPT) bao gồm: trường Tiểu học-THCS-THPT, trường THCS-THPT và trường THPT, không bao gồm các trung tâm giáo dục thường xuyên.

1.2. Điều kiện đăng ký

- Thí sinh được Hiệu trưởng/Ban Giám hiệu trường THPT giới thiệu là học sinh của trường đảm bảo các tiêu chí cụ thể như sau:

+ Các tiêu chí chính:

- Học lực Giỏi và hạnh kiểm Tốt trong 03 năm THPT.
- Và điểm trung bình cộng học lực 03 năm THPT thuộc nhóm 03 học sinh cao nhất trường.

+ Các tiêu chí kết hợp:

- Giấy chứng nhận hoặc giấy khen đạt giải thưởng học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố giải Nhất, Nhì, Ba (chọn giải thưởng cao nhất đạt được ở THPT).
- Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.
- Giấy chứng nhận hoặc giấy khen, hồ sơ khác liên quan đến thành tích học tập, rèn luyện trong quá trình học THPT.

- Thí sinh xem xét thông tin do Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) các đơn vị qui định thêm tiêu chí/điều kiện kết hợp trong quá trình xét tuyển và các ngành/nhóm ngành áp dụng cho phương thức này (đính kèm Phụ lục I).

1.3. Chỉ tiêu

Chỉ tiêu: không quá 5% tổng chỉ tiêu.

1.4. Số lượng nguyện vọng đăng ký

Thí sinh đăng ký xét tuyển tối đa 03 nguyện vọng ngành/nhóm ngành vào 01 Trường đại học thành viên, khoa và phân hiệu trực thuộc ĐHQG-HCM (chỉ giới hạn 01 đơn vị).

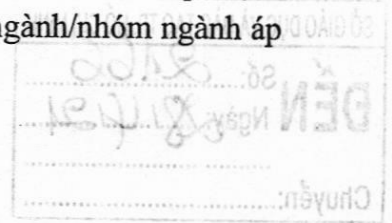
1.5. Đăng ký, nộp hồ sơ và xét tuyển

- Thời gian đăng ký xét tuyển (ĐKXT): 15/5 - 15/6/2021.
- Hồ sơ đăng ký xét tuyển:
 - + Đơn đăng ký xét tuyển (theo mẫu Phụ lục II), có xác nhận giới thiệu của Hiệu trưởng/Ban Giám hiệu trường THPT về việc đảm bảo các tiêu chí chính với nguyên tắc chỉ giới thiệu 01 học sinh thuộc nhóm 03 học sinh có điểm trung bình cộng học lực 03 năm THPT cao nhất trường THPT.
 - + Học bạ THPT (bản sao hoặc xác nhận trường THPT).
 - + Giấy chứng nhận hoặc giấy khen đạt giải thưởng học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố (bản sao hoặc xác nhận trường THPT) và giấy chứng nhận hoặc giấy khen, hồ sơ khác liên quan đến thành tích học tập, rèn luyện trong quá trình học THPT (nếu có).
 - + Bài luận viết tay của thí sinh về nguyện vọng xét tuyển vào ngành/nhóm ngành.
 - + Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (nếu có).
 - + Các giấy tờ khác minh chứng cho các tiêu chí kết hợp do các đơn vị xây dựng và triển khai quy định chi tiết ở Phụ lục I.
- Thí sinh gửi hồ sơ xét tuyển **trực tiếp** về trường đại học thành viên, khoa và phân hiệu trực thuộc ĐHQG-HCM.

2. Phương thức: ưu tiên xét tuyển (UTXT) theo quy định ĐHQG-HCM 2021

2.1. Đối tượng

Học sinh thuộc các trường THPT theo danh sách đính kèm tại Phụ lục III.



2.2. Điều kiện đăng ký

Theo nội dung chi tiết về các ngành/nhóm ngành/chương trình xét tuyển áp dụng cho phương thức này của các đơn vị (theo Phụ lục IV đính kèm).

2.3. Chỉ tiêu

Tối đa 20% tổng chỉ tiêu ngành/nhóm ngành tại các đơn vị.

2.4. Số lượng nguyện vọng đăng ký UTXT

Thí sinh được đăng ký tối đa 03 nguyện vọng vào 01 đơn vị, không giới hạn số đơn vị (có phân biệt thứ tự nguyện vọng).

2.5. Phương thức đăng ký và nộp hồ sơ UTXT

Từ ngày 15/5 đến 15/6/2021 các thí sinh thực hiện đăng ký UTXT theo các bước bắt buộc như sau:

- Bước 1: truy cập trang thông tin điện tử của ĐHQG-HCM (tuyensinh.vnuhcm.edu.vn) để điền thông tin đăng ký UTXT (nội dung theo mẫu đính kèm tại Phụ lục V).

- Bước 2: sau khi đăng ký thành công, thí sinh in phiếu đăng ký UTXT, ký tên và xác nhận thông tin của trường THPT.

- Bước 3: nộp bộ hồ sơ giấy đăng ký UTXT.

✓ Bộ hồ sơ bao gồm:

+ Phiếu đăng ký UTXT được in từ hệ thống đăng ký UTXT sau khi hoàn thành Bước 1 và Bước 2.

+ Các hồ sơ yêu cầu đính kèm tương ứng cho từng đơn vị tham khảo điều kiện đăng ký xét tuyển do Hội đồng tuyển sinh các đơn vị quy định tại Phụ lục IV.

✓ Số lượng bộ hồ sơ đăng ký UTXT tương ứng với số lượng đơn vị đã đăng ký. Thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào đơn vị nào thì nộp hồ sơ tại đơn vị đó. Thí sinh nộp bộ hồ sơ đăng ký UTXT trực tiếp tại đơn vị hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ của các đơn vị.

3. Địa chỉ nộp hồ sơ xét tuyển của các trường đại học thành viên, khoa và phân hiệu trực thuộc ĐHQG-HCM

- Trường Đại học Bách khoa: Phòng Đào tạo, số 268 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10, TP.HCM.

- Trường Đại học Khoa học Tự nhiên: Phòng Đào tạo, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Q.5, TP.HCM.

- Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn: Phòng Đào tạo, số 10 - 12 Đinh Tiên Hoàng, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM.

- Trường Đại học Công nghệ Thông tin: Phòng Đào tạo, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP.HCM.

- Trường Đại học Quốc tế: Phòng Đào tạo, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP.HCM.

- Trường Đại học Kinh tế - Luật: Phòng Đào tạo, P. Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP.HCM.

- Trường Đại học An Giang: Phòng Đào tạo, số 18 Ung Văn Khiêm, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Khoa Y: Phòng Đào tạo, Nhà Điều hành ĐHQG-HCM, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP.HCM.

- Khoa Chính trị - Hành Chính: Phòng Đào tạo, Nhà Điều hành ĐHQG-HCM, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP.HCM.

- Phân hiệu ĐHQG-HCM tại tỉnh Bến Tre: Phòng Đào tạo – Khoa học Công nghệ, số 99A Quốc lộ 60, khu phố 1, P. Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Viện Đào tạo Quốc tế: Phòng tuyển sinh, số 08 Trần Quang Khải, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM.

4. Lệ phí đăng ký xét tuyển

Hội đồng tuyển sinh các đơn vị quy định và thông báo. Thí sinh tham khảo thông tin về phương thức nộp lệ phí đăng ký UTXTT được công khai tại Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2021 (đăng tải trên trang thông tin điện tử của các đơn vị).

5. Công tác xét tuyển và công bố kết quả cho phương thức: ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi nhất trường THPT và ưu tiên xét tuyển theo quy định ĐHQG-HCM năm 2021


- Hội đồng tuyển sinh các đơn vị xem xét, quyết định xét tuyển theo các tiêu chí đã được quy định chi tiết tại Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2021.

- Dự kiến thời gian xét tuyển, công bố kết quả và thí sinh xác nhận nhập học: từ 28/7 – trước 10/8/2021. Thí sinh xác nhận nhập học bằng cách nộp bản chính phiếu báo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021.

- Thí sinh làm thủ tục nhập học theo thời gian do các đơn vị quy định.

ĐHQG-HCM kính đề nghị Quý Sở/Trường THPT thông báo và tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh được tham gia xét tuyển vào các đơn vị thuộc ĐHQG-HCM năm 2021.

Trong quá trình triển khai công tác tuyển sinh, ĐHQG-HCM xem xét điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế kỳ thi tốt nghiệp THPT 2021, công tác tuyển sinh năm 2021 và tình hình dịch bệnh Covid-19.

Trân trọng. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD ĐHQG-HCM (để b/c);
- HĐTS các đơn vị (để t/h);
- Tổ điều hành CTHN-TVTS ĐHQG-HCM (để t/h);
- Lưu: VT, Ban ĐH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Minh Tâm

PHƯƠNG THỨC UTXT THẮNG HỌC SINH GIỎI NHẤT TRƯỜNG THPT

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	(1)		(2)		(3)		(4)		
					Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4	Tổ hợp môn xét tuyển 5	Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT			
14	ĐH	QSB	115	KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG	A00	Toán	A01	Toán					x
15	ĐH	QSB	115	KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY	A00	Toán	A01	Toán					x
16	ĐH	QSB	115	KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BIỂN	A00	Toán	A01	Toán					x
17	ĐH	QSB	115	KỸ THUẬT CƠ SỞ HẠ TẦNG	A00	Toán	A01	Toán					x
18	ĐH	QSB	115	KỸ THUẬT TRÁC ĐỊA VÀ BẢN ĐỒ	A00	Toán	A01	Toán					x
19	ĐH	QSB	115	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT VẬT LIỆU XÂY DỰNG	A00	Toán	A01	Toán					x
20	ĐH	QSB	117	KIẾN TRÚC	A01	Toán	C01	Toán					x
21	ĐH	QSB	120	KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT	A00	Toán	A01	Toán					x
22	ĐH	QSB	120	KỸ THUẬT DẦU KHÍ	A00	Toán	A01	Toán					x
23	ĐH	QSB	123	QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP	A00	Toán	A01	Toán	D01	Anh	D07	Anh	x
24	ĐH	QSB	125	KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG	A00	Toán	A01	Toán	B00	Toán	D07	Toán	x
25	ĐH	QSB	125	QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	A00	Toán	A01	Toán	B00	Toán	D07	Toán	x
26	ĐH	QSB	128	KỸ THUẬT HỆ THỐNG CÔNG NGHIỆP	A00	Toán	A01	Toán					x
27	ĐH	QSB	128	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	A00	Toán	A01	Toán					x
28	ĐH	QSB	129	KỸ THUẬT VẬT LIỆU	A00	Toán	A01	Toán	D07	Toán			x
29	ĐH	QSB	137	VẬT LÝ KỸ THUẬT	A00	Toán	A01	Toán					x

Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị

PHƯƠNG THỨC UTXT THẮNG HỌC SINH GIỎI NHẤT TRƯỜNG THPT

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	(1)		(2)		(3)						(4)	
					Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển bổ sung thêm (nếu có)	Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị	Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4	Tổ hợp môn xét tuyển 5	Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT				
30	ĐH	QSB	138	CƠ KỸ THUẬT			A00	Toán A01	Toán							x
31	ĐH	QSB	140	KỸ THUẬT NHIỆT (NHIỆT LẠNH)			A00	Toán A01	Toán							x
32	ĐH	QSB	141	BẢO DƯỠNG CÔNG NGHIỆP			A00	Toán A01	Toán							x
33	ĐH	QSB	142	KỸ THUẬT Ô TÔ			A00	Toán A01	Toán							x
34	ĐH	QSB	145	KỸ THUẬT TÀU THỦY			A00	Toán A01	Toán							x
35	ĐH	QSB	145	KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG			A00	Toán A01	Toán							x
36	ĐH	QSB	206	KHOA HỌC MÁY TÍNH (CLC BẢNG TIẾNG ANH)			A00	Toán A01	Toán							x
37	ĐH	QSB	207	KỸ THUẬT MÁY TÍNH (CLC BẢNG TIẾNG ANH)			A00	Toán A01	Toán							x
38	ĐH	QSB	208	KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ (TIỀN TIẾN BẢNG TIẾNG ANH)			A00	Toán A01	Toán							x
39	ĐH	QSB	209	KỸ THUẬT CƠ KHÍ (CLC BẢNG TIẾNG ANH)			A00	Toán A01	Toán							x
40	ĐH	QSB	210	KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ (CLC BẢNG TIẾNG ANH)			A00	Toán A01	Toán							x
41	ĐH	QSB	211	KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ (KỸ THUẬT ROBOT (CLC BẢNG TIẾNG ANH)			A00	Toán A01	Toán							x
42	ĐH	QSB	214	KỸ THUẬT HÓA HỌC (CLC BẢNG TIẾNG ANH)			A00	Toán B00	Toán D07	Toán						x
43	ĐH	QSB	215	KỸ THUẬT XÂY DỰNG (CLC BẢNG TIẾNG ANH)			A00	Toán A01	Toán							x
44	ĐH	QSB	215	KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG (CLC BẢNG TIẾNG ANH)			A00	Toán A01	Toán							x
45	ĐH	QSB	217	KIẾN TRÚC (KIẾN TRÚC CẢNH QUAN) (CLC BẢNG TIẾNG ANH)			A00	Toán A01	Toán							x

PHƯƠNG THỨC UTXT THẮNG HỌC SINH GIỎI NHẤT TRƯỜNG THPT

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	(1)	(2)	(3)						(4)	
							Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4	Tổ hợp môn xét tuyển 5	Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT		
						Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển bổ sung thêm (nếu có)	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn		
37	ĐH	QSX	7220205_CLC	NGÔN NGỮ ĐỨC_ CHẤT LƯỢNG CAO										x
38	ĐH	QSX	7310206_CLC	QUAN HỆ QUỐC TẾ_ CHẤT LƯỢNG CAO										x
39	ĐH	QSX	7310613_CLC	NHẤT BẢN HỌC_ CHẤT LƯỢNG CAO		Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị								x
40	ĐH	QSX	7320101_CLC	BẢO CHỈ_ CHẤT LƯỢNG CAO										x
41	ĐH	QSX	7810103_CLC	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH_ CHẤT LƯỢNG CAO										x
III/ Trường ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN														
1	ĐH	QST	7420101	SINH HỌC			A02	B00	B08					x
2	ĐH	QST	7420101_CLC	SINH HỌC (CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO)			A02	B00	B08					x
3	ĐH	QST	7420201	CÔNG NGHỆ SINH HỌC			A02	B00	B08		D90			x
4	ĐH	QST	7420201_CLC	CÔNG NGHỆ SINH HỌC (CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO)			A02	B00	B08		D90			x
5	ĐH	QST	7440102	VẬT LÝ HỌC			A00	A01	A02		D90			x
6	ĐH	QST	7440112	HOÁ HỌC			A00	B00	D07		D90			x
7	ĐH	QST	7440112_CLC	HÓA HỌC (CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO)			A00	B00	D07		D90			x
8	ĐH	QST	7440112_VP	HOÁ HỌC (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VIỆT - PHÁP)			A00	B00	D07		D24			x
9	ĐH	QST	7440122	KHOA HỌC VẬT LIỆU			A00	A01	B00		D07			x
10	ĐH	QST	7440201	ĐỊA CHẤT HỌC			A00	A01	B00		D07			x

PHƯƠNG THỨC UTXT THÁNG HỌC SINH GIỚI NHẤT TRƯỞNG THPT

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	(1)		(2)						(3)		(4)
					Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển bổ sung thêm (nếu có)	Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị	Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4	Tổ hợp môn xét tuyển 5	Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT			
11	ĐH	QST	7440228	HẢI DƯƠNG HỌC			A00	A01	B00	D07					x
12	ĐH	QST	7440301	KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG			A00	B00	B08	D07					x
13	ĐH	QST	7440301_CLC	KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG (CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO)			A00	B00	B08	D07					x
14	ĐH	QST	7460101_NN	NHÓM NGÀNH TOÁN HỌC, TOÁN ỨNG DỤNG, TOÁN TIN			A00	A01	B00	D01					x
15	ĐH	QST	7480101_TT	KHOA HỌC MÁY TÍNH (CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN)			A00	A01	B08	D07					x
16	ĐH	QST	7480109	KHOA HỌC DỮ LIỆU			A00	A01	B08	D07					x
17	ĐH	QST	7480201_CLC	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO)			A00	A01	B08	D07					x
18	ĐH	QST	7480201_NN	NHÓM NGÀNH MÁY TÍNH VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN			A00	A01	B08	D07					x
19	ĐH	QST	7480201_VP	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VIỆT - PHÁP)			A00	A01	D07	D29					x
20	ĐH	QST	7510401_CLC	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT HOÁ HỌC (CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO)			A00	B00	D07	D90					x
21	ĐH	QST	7510402	CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU			A00	A01	B00	D07					x
22	ĐH	QST	7510406	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG			A00	B00	B08	D07					x
23	ĐH	QST	7520207	KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG			A00	A01	D07	D90					x
24	ĐH	QST	7520207_CLC	KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG (CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO)			A00	A01	D07	D90					x
25	ĐH	QST	7520402	KỸ THUẬT HẠT NHÂN			A00	A01	A02	D90					x
26	ĐH	QST	7520403	VẬT LÝ KHOA			A00	A01	A02	D90					x

PHƯƠNG THỨC UTXT THẮNG HỌC SINH GIỎI NHẤT TRƯỜNG THPT

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/Nhóm ngành/Chương trình học	(1)		(2)		(3)					(4)	
					KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT	7520501	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển bổ sung thêm (nếu có)	Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị	Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4	Tổ hợp môn xét tuyển 5		Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT
27	ĐH	QSK	7520501	KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT		A00		A01	B00	D07					x
IV/ Trường ĐH KINH TẾ - LUẬT															
1	ĐH	QSK	7310101_401	KINH TẾ (KINH TẾ HỌC)											x
2	ĐH	QSK	7310101_401C	KINH TẾ (KINH TẾ HỌC) (CHẤT LƯỢNG CAO)											x
3	ĐH	QSK	7310101_403	KINH TẾ (KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ CÔNG)											x
4	ĐH	QSK	7310101_403C	KINH TẾ (KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ CÔNG) (CHẤT LƯỢNG CAO)											x
5	ĐH	QSK	7310106_402	KINH TẾ QUỐC TẾ (KINH TẾ ĐỐI NGOẠI)											x
6	ĐH	QSK	7310106_402C	KINH TẾ QUỐC TẾ (KINH TẾ ĐỐI NGOẠI) (CHẤT LƯỢNG CAO)											x
7	ĐH	QSK	7310106_402CA	KINH TẾ QUỐC TẾ (KINH TẾ ĐỐI NGOẠI) (CHẤT LƯỢNG CAO BẰNG TIẾNG ANH)											x
8	ĐH	QSK	7310108_413	TOÁN KINH TẾ (TOÁN ỨNG DỤNG TRONG KINH TẾ, QUẢN TRỊ VÀ TÀI CHÍNH)											x
9	ĐH	QSK	7310108_413C	TOÁN KINH TẾ (TOÁN ỨNG DỤNG TRONG KINH TẾ, QUẢN TRỊ VÀ TÀI CHÍNH) (CHẤT LƯỢNG CAO)											x
10	ĐH	QSK	7310108_413CA	TOÁN KINH TẾ (TOÁN ỨNG DỤNG TRONG KINH TẾ, QUẢN TRỊ VÀ TÀI CHÍNH) (CHẤT LƯỢNG CAO BẰNG TIẾNG ANH)											x
11	ĐH	QSK	7340101_407	QUẢN TRỊ KINH DOANH											x
12	ĐH	QSK	7340101_407C	QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHẤT LƯỢNG CAO)											x
13	ĐH	QSK	7340101_407CA	QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHẤT LƯỢNG CAO BẰNG TIẾNG ANH)											x

* Đảm bảo 02 tiêu chí chính:
 Học lực Giỏi và hạnh kiểm Tốt trong 3 năm THPT
 Và điểm trung bình cộng học lực 3 năm THPT thuộc nhóm 3 học sinh cao nhất.
 * Các tiêu chí kết hợp:
 Giấy chứng nhận hoặc giấy khen đạt giải thưởng học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố giải Nhất, Nhì, Ba (chọn giải thưởng cao nhất đạt được ở THPT).
 Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.
 Giấy chứng nhận hoặc giấy khen, hồ sơ khác liên quan đến thành tích học tập, rèn luyện trong quá trình học THPT.

PHƯƠNG THỨC UTXT THĂNG HỌC SINH GIỎI NHẤT TRƯỜNG THPT																
Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/Nhóm ngành/Chương trình học	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển bổ sung thêm (nếu có)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4		Tổ hợp môn xét tuyển 5		Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
					(1)	(2)	(3)						(4)			
V/ Trường ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN																
1	ĐH	QSC	7480101	KHOA HỌC MÁY TÍNH			A00	A01		D01		D07				
2	ĐH	QSC	7480101_TTNT	KHOA HỌC MÁY TÍNH (TRÍ TUỆ NHÂN TẠO)			A00	A01		D01		D07				
3	ĐH	QSC	7480101_CLCA	KHOA HỌC MÁY TÍNH (CLC)			A00	A01		D01		D07				
4	ĐH	QSC	7480102	MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG DỮ LIỆU			A00	A01		D01		D07				
5	ĐH	QSC	7480102_CLCA	MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG DỮ LIỆU (CLC)			A00	A01		D01		D07				
6	ĐH	QSC	7480103	KỸ THUẬT PHẦN MỀM			A00	A01		D01		D07				
7	ĐH	QSC	7480103_CLCA	KỸ THUẬT PHẦN MỀM (CLC)			A00	A01		D01		D07				
8	ĐH	QSC	7480104	HỆ THỐNG THÔNG TIN		Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị	A00	A01		D01		D07				
9	ĐH	QSC	7480104_TT	HỆ THỐNG THÔNG TIN (TIỀN TIẾN)			A01	D01		D07						
10	ĐH	QSC	7480104_CLCA	HỆ THỐNG THÔNG TIN (CLC)			A00	A01		D01		D07				
11	ĐH	QSC	7340122	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ			A00	A01		D01		D07				
12	ĐH	QSC	7340122_CLCA	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (CLC)			A00	A01		D01		D07				
13	ĐH	QSC	7480201	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN			A00	A01		D01		D07				
14	ĐH	QSC	7480201_CLCN	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CLC ĐỊNH HƯỚNG NHẤT BẢN)			A00	A01		D01		D07			D06	
15	ĐH	QSC	7480109	KHOA HỌC DỮ LIỆU			A00	A01		D01		D07				

PHƯƠNG THỨC UTXT THẮNG HỌC SINH GIỎI NHẤT TRƯỜNG THPT

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	(1)		(2)		(3)					(4)
					Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển bổ sung thêm (nếu có)	Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị	Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4	Tổ hợp môn xét tuyển 5	Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT		
16	ĐH	QSC	7480202	AN TOÀN THÔNG TIN			A00	A01	D01	D07				
17	ĐH	QSC	7480202_CLCA	AN TOÀN THÔNG TIN (CLC)			A00	A01	D01	D07				
18	ĐH	QSC	7480106	KỸ THUẬT MÁY TÍNH			A00	A01	D01	D07				
19	ĐH	QSC	7480106_IOT	KỸ THUẬT MÁY TÍNH (HỆ THỐNG NHÚNG VÀ IOT)			A00	A01	D01	D07				
20	ĐH	QSC	7480106_CLCA	KỸ THUẬT MÁY TÍNH (CLC)			A00	A01	D01	D07				
VI/Trường ĐH QUỐC TẾ														
1	ĐH	QSQ	7340101	QUẢN TRỊ KINH DOANH			A00	A01	D01	D07				x
2	ĐH	QSQ	7340201	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG			A00	A01	D01	D07				x
3	ĐH	QSQ	7340301	KẾ TOÁN			A00	A01	D01	D07				x
4	ĐH	QSQ	7220201	NGÔN NGỮ ANH			A01	B08	D01	D07				x
5	ĐH	QSQ	7480201	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN			A00	A01						x
6	ĐH	QSQ	7480109	KHOA HỌC DỮ LIỆU			A00	A01						x
7	ĐH	QSQ	7480101	KHOA HỌC MÁY TÍNH			A00	A01						x
8	ĐH	QSQ	7420201	CÔNG NGHỆ SINH HỌC			A00	B00	B08	D07				x
9	ĐH	QSQ	7540101	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM			A00	A01	B00	D07				x
10	ĐH	QSQ	7440112	HÓA HỌC (HÓA SINH)			A00	B00	B08	D07				x

PHƯƠNG THỨC UTXT THẮNG HỌC SINH GIỎI NHẤT TRƯỜNG THPT

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	(1)		(2)						(3)		(4)
					Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển bổ sung thêm (nếu có)	Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị	Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4	Tổ hợp môn xét tuyển 5	Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT			
11	ĐH	QSQ	7520301	KỸ THUẬT HÓA HỌC			A00	A01	B00			D07			x
12	ĐH	QSQ	7520118	KỸ THUẬT HỆ THỐNG CÔNG NGHIỆP			A00	A01	D01						x
13	ĐH	QSQ	7510605	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG			A00	A01	D01						x
14	ĐH	QSQ	7520207	KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG			A00	A01	B00			D01			x
15	ĐH	QSQ	7520216	KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA			A00	A01	B00			D07			x
16	ĐH	QSQ	7520212	KỸ THUẬT Y SINH			A00	B00	B08			D07			x
17	ĐH	QSQ	7580201	KỸ THUẬT XÂY DỰNG			A00	A01	D07						x
18	ĐH	QSQ	7580302	QUẢN LÝ XÂY DỰNG			A00	A01	D01						x
19	ĐH	QSQ	7460112	TOÁN ỨNG DỤNG (KỸ THUẬT TÀI CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO)			A00	A01							x
20	ĐH	QSQ	7520121	KỸ THUẬT KHÔNG GIAN			A00	A01	A02			D90			x
21	ĐH	QSQ	7520320	KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG			A00	A02	B00			D07			x
22	ĐH	QSQ	7420201_UN	CÔNG NGHỆ SINH HỌC (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH NOTTINGHAM) (2+2)			A00	B00	B08			D07			x
23	ĐH	QSQ	7420201_WE2	CÔNG NGHỆ SINH HỌC (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (2+2)			A00	B00	B08			D07			x
24	ĐH	QSQ	7420201_WE4	CÔNG NGHỆ SINH HỌC ĐỊNH HƯỚNG Y SINH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (4+0)			A00	B00	B08			D07			x

PHƯƠNG THỨC UTXT THẮNG HỌC SINH GIỎI NHẤT TRƯỜNG THPT

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển bổ sung thêm (nếu có)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4		Tổ hợp môn xét tuyển 5		Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
						(1)		(2)		(3)		(4)				
25	ĐH	QSQ	7480201_DK25	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH DEAKIN) (2.5+1.5)		A00	A01									x
26	ĐH	QSQ	7480201_DK2	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH DEAKIN) (2+2)		A00	A01									x
27	ĐH	QSQ	7480201_DK3	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH DEAKIN) (3+1)		A00	A01									x
28	ĐH	QSQ	7480201_UN	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH NOTTINGHAM) (2+2)		A00	A01									x
29	ĐH	QSQ	7480201_WE2	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (2+2)		A00	A01									x
30	ĐH	QSQ	7480201_WE4	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (4+0)	Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị	A00	A01									x
31	ĐH	QSQ	7540101_UN	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH NOTTINGHAM) (2+2)		A00	A01	B00				D07				x
32	ĐH	QSQ	7520207_UN	KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ - VIỆN THÔNG (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH NOTTINGHAM) (2+2)		A00	A01	B00				D01				x
33	ĐH	QSQ	7520207_WE	KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ - VIỆN THÔNG (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (2+2)		A00	A01	B00				D01				x
34	ĐH	QSQ	7520207_SB	KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH SUNY BINGHAMTON) (2+2)		A00	A01	B00				D01				x
35	ĐH	QSQ	7520118_SB	KỸ THUẬT HỆ THỐNG CÔNG NGHIỆP (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH SUNY BINGHAMTON) (2+2)		A00	A01	D01								x

PHƯƠNG THỨC UTXT THẮNG HỌC SINH GIỎI NHẤT TRƯỜNG THPT																
Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/Nhóm ngành/Chương trình học	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển bổ sung thêm (nếu có)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4		Tổ hợp môn xét tuyển 5		Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
						(2)	(3)						(4)			
36	ĐH	QSQ	7480106_SB	KỸ THUẬT MÁY TÍNH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH SUNY BINGHAMTON) (2+2)	Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị	A00	A01									x
37	ĐH	QSQ	7220201_WE2	NGÔN NGỮ ANH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (2+2)		A01	B08	D01				D07				x
38	ĐH	QSQ	7220201_WE3	NGÔN NGỮ ANH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (3+1)		A01	B08	D01				D07				x
39	ĐH	QSQ	7220201_WE4	NGÔN NGỮ ANH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (4+0)		A01	B08	D01				D07				x
40	ĐH	QSQ	7340101_AU	QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH CÔNG NGHỆ AUCLAND) (2+2)		A00	A01	D01				D07				x
41	ĐH	QSQ	7340101_UH	QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH HOUSTON) (2+2)		A00	A01	D01				D07				x
42	ĐH	QSQ	7340101_NS	QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH NEW SOUTH WALES) (2+2)		A00	A01	D01				D07				x
43	ĐH	QSQ	7340101_UN	QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH NOTTINGHAM) (2+2)		A00	A01	D01				D07				x
44	ĐH	QSQ	7340101_WE	QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (2+2)		A00	A01	D01				D07				x
45	ĐH	QSQ	7340101_WE4	QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (4+0)		A00	A01	D01				D07				x
VII/ Trường ĐH AN GIANG																
1	ĐH	QSA	7140201	GIÁO DỤC MẦM NON	Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị	M02	M03	M05				M06				x

PHƯƠNG THỨC UTXT THẮNG HỌC SINH GIỎI NHẤT TRƯỜNG THPT

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ nhóm ngành/ Chương trình học	(1)		(2)		(3)					(4)	
					Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển bổ sung thêm (nếu có)	Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4	Tổ hợp môn xét tuyển 5	Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT				
2	ĐH	QSA	7140202	GIÁO DỤC TIỂU HỌC		A00	A01	C00	D01						x
3	ĐH	QSA	7140205	GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ		C00	C19	D01	D66						x
4	ĐH	QSA	7140209	SƯ PHẠM TOÁN HỌC		A00	A01	C01	D01						x
5	ĐH	QSA	7140211	SƯ PHẠM VẬT LÝ		A00	A01	C01	C05						x
6	ĐH	QSA	7140212	SƯ PHẠM HÓA HỌC		A00	B00	C02	D07						x
7	ĐH	QSA	7140217	SƯ PHẠM NGỮ VĂN		C00	D01	D14	D15						x
8	ĐH	QSA	7140218	SƯ PHẠM LỊCH SỬ		A08	C00	C19	D14						x
9	ĐH	QSA	7140219	SƯ PHẠM ĐỊA LÝ		A09	C00	C04	D10						x
10	ĐH	QSA	7140231	SƯ PHẠM TIẾNG ANH		A01	Anh	D01	Anh	D14	Anh				x
11	ĐH	QSA	7340101	QUẢN TRỊ KINH DOANH		A00	A01	C15	D01						x
12	ĐH	QSA	7340115	MARKETING		A00	A01	C15	D01						x
13	ĐH	QSA	7340201	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG, GÓM 2 CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG; TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP		A00	A01	C15	D01						x
14	ĐH	QSA	7340301	KẾ TOÁN		A00	A01	C15	D01						x
15	ĐH	QSA	7380101	LUẬT, GÓM 3 CHUYÊN NGÀNH: LUẬT KINH TẾ; LUẬT HÀNH CHÍNH; LUẬT HÌNH SỰ		A01	C00	C01	D01						x
16	ĐH	QSA	7420201	CÔNG NGHỆ SINH HỌC (CHƯƠNG TRÌNH CLC)		A16	B00	B03	D01						x
17	ĐH	QSA	7480103	KỸ THUẬT PHẦN MỀM		A00	A01	C01	D01						x

Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị

PHƯƠNG THỨC UTXT THÁNG HỌC SINH GIỚI NHẤT TRƯỜNG THPT																
Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	(1)		(2)						(3)		(4)	
					Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển bổ sung thêm (nếu có)	Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị	Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4	Tổ hợp môn xét tuyển 5	Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT				
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
18	ĐH	QSA	7480201	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, GỒM 2 CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN; AN TOÀN THÔNG TIN			A00		A01		C01		D01			x
19	ĐH	QSA	7510406	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG			A00		A01		B00		D07			x
20	ĐH	QSA	7510401	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT HOÁ HỌC			A00		A01		B00		D07			x
21	ĐH	QSA	7540101	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (CHƯƠNG TRÌNH CLC)			A00		B00		C05		D01			x
22	ĐH	QSA	7620105	CHĂN NUÔI			A00		B00		C08		D01			x
23	ĐH	QSA	7620110	KHOA HỌC CÂY TRỒNG (CHƯƠNG TRÌNH CLC)			A00		B00		C15		D01			x
24	ĐH	QSA	7620112	BẢO VỆ THỰC VẬT			A00		B00		C15		D01			x
25	ĐH	QSA	7620116	PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN			A00		B00		C00		D01			x
26	ĐH	QSA	7620301	NUÔI TRỒNG THỦY SẢN			A00		B00		D01		D10			x
27	ĐH	QSA	7310630	VIỆT NAM HỌC, GỒM 2 CHUYÊN NGÀNH: HƯỚNG DẪN DU LỊCH; QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG - KHÁCH SẠN			A01	A01	C00		C04		D01			x
28	ĐH	QSA	7220201	NGÔN NGỮ ANH, GỒM 2 CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH; TIẾNG ANH DU LỊCH			A01	Anh	D01	Anh	D09	Anh	D14	Anh		x
29	ĐH	QSA	7229030	VĂN HỌC			C00		D01		D14		D15			x
30	ĐH	QSA	7310106	KINH TẾ QUỐC TẾ			A00		A01		C15		D01			x
31	ĐH	QSA	7850101	QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG			A00		A01		B00		D07			x
32	ĐH	QSA	7229001	TRIẾT HỌC			A01		C00		C01		D01			x

PHƯƠNG THỨC UTXT THẮNG HỌC SINH GIỎI NHẤT TRƯỜNG THPT

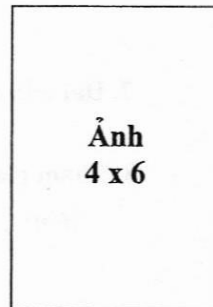
Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển bổ sung thêm (nếu có)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4		Tổ hợp môn xét tuyển 5		Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính		Tổ hợp môn
						(3)										(4)	
VIII/ Khoa Y																	
1	ĐH	QSY	7720101_CLC	Y KHOA (CLC)	Đối với phương thức UTXT và UTXT thẳng, Khoa Y xét tuyển dựa trên tổng điểm 3 môn Toán, Hóa, Sinh trong 3 năm THPT	B00											
2	ĐH	QSY	7720201_CLC	DUỐC HỌC (CLC)		B00											
3	ĐH	QSY	7720501_CLC	RĂNG-HÀM-MẮT (CLC)		B00											
IX/ Phân hiệu ĐHQG-HCM tại tỉnh Bến Tre																	
1	ĐH	QSP	7580201	KỸ THUẬT XÂY DỰNG	1. Tốt nghiệp THPT năm 2021. 2. Học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong 3 năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12. 3. Chỉ áp dụng 1 lần đúng năm học sinh tốt nghiệp THPT năm 2021. 4. Thư giới thiệu từ Ban Giám hiệu Trường THPT mà học sinh đang học. 5. Có điểm trung bình cộng 3 năm THPT thuộc nhóm 3 học sinh cao nhất trường.	A00	Toán	A01	Toán	D90	Toán					x	
X/ Khoa Hành chính - Chính trị																	

Phụ lục II.

Mẫu đăng ký ưu tiên xét tuyển thẳng học sinh giỏi nhất trường THPT vào đại học năm 2021 (theo quy định ĐHQG-HCM)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**Ảnh
4 x 6**

**MẪU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN THẮNG HỌC SINH GIỎI
TRƯỜNG THPT NĂM 2021**

1. Họ và tên của thí sinh (như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....

Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì có số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. Nơi sinh (xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố)

.....
.....

4. Số Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân

(Ghi mỗi chữ số vào một ô)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ngày cấp:.....Nơi cấp:

Quốc tịch:.....Dân tộc:Tôn Giáo:.....

5. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT

Mã tỉnh
(Tp)

Mã huyện
(quận)

Mã xã
(phường)

Ghi rõ tên tỉnh (thành phố), huyện (quận), xã (phường) vào dòng trống phía dưới

.....
.....

Hộ khẩu thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1:

Hộ khẩu thường trú trên 18 tháng tại xã đặc biệt khó khăn:

6. Nơi học THPT (tên trường, xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố và ghi mã tỉnh, mã trường)

Năm lớp 10:

.....

Năm lớp 11:

.....

.....

Năm lớp 12:

--	--

Mã tỉnh
(Tp)

--	--	--

Mã
Trường

7. Đạt danh hiệu học sinh giỏi (đấu X vào ô)

Lớp 10

Lớp 11

Lớp 12

8. Tham gia kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành

Môn:

Năm:

Đạt giải:

9. Đạt hạnh kiểm

Năm lớp 10	Năm lớp 11	Năm lớp 12

10. Kết quả học THPT (điểm trung bình cả năm của các môn học)

(Thí sinh chỉ cần điền thông tin điểm của các môn trong tổ hợp ĐKXT theo quy định của ngành/nhóm ngành của đơn vị)

Stt	Môn học/các hoạt động giáo dục	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1	Toán			
2	Vật lí			
3	Hoá học			
4	Sinh học			
5	Tin học			
6	Ngữ văn			
7	Lịch sử			
8	Địa lý			
9	Ngoại ngữ (tiếng Anh)			
10	Ngoại ngữ khác			
11	Giáo dục Công dân			
12	Công nghệ			
13	Giáo dục Quốc phòng An Ninh			
14	Điểm trung bình năm học			

11. Đăng ký nguyện vọng xét tuyển

Thí sinh đăng ký tối đa 03 nguyện vọng ngành/nhóm ngành vào 01 Trường/Khoa/Phân hiệu (đơn vị) thuộc ĐHQG-HCM (chỉ giới hạn 01 đơn vị)

Stt	Tên đơn vị	Mã tuyển sinh của đơn vị	Mã ngành/Nhóm ngành tuyển sinh	Tên ngành/Nhóm ngành tuyển sinh	Tổ hợp môn xét tuyển (nếu có)
1					
2					
3					

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

12. Địa chỉ báo tin

.....
.....
.....

Điện thoại (Nếu có): Email:

Thí sinh nộp kèm bản sao học bạ (lớp 10, lớp 11 và lớp 12) ở trường THPT và Giấy chứng nhận/Giấy khen đạt giải thưởng học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố hoặc thành tích khác (nếu có)

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12 trường
..... đã khai đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2021
Chữ ký của thí sinh

Tôi cam đoan học sinh
là học sinh xuất sắc nhất trường theo tiêu chí của ĐHQG-HCM¹
hướng dẫn cho phương thức xét tuyển năm 2021.

Ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Tiêu chí ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi nhất trường THPT năm 2021 (theo quy định ĐHQG-HCM):

a) Đảm bảo 02 tiêu chí chính:

- Học lực Giỏi và hạnh kiểm Tốt trong 3 năm THPT
- Và điểm trung bình cộng học lực 3 năm THPT thuộc nhóm 3 học sinh cao nhất.

b) Các tiêu chí kết hợp:

- Giấy chứng nhận hoặc giấy khen đạt giải thưởng học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố giải Nhất, Nhì, Ba (chọn giải thưởng cao nhất đạt được ở THPT).
- Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.
- Giấy chứng nhận hoặc giấy khen, hồ sơ khác liên quan đến thành tích học tập, rèn luyện trong quá trình học THPT.

Nguyên tắc: Chỉ giới thiệu 01 học sinh giỏi nhất trường THPT.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM**Phụ lục III****DANH SÁCH 149 TRƯỜNG THPT THUỘC DIỆN ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
THEO QUY ĐỊNH CỦA ĐHQG-HCM NĂM 2021****1. Danh sách 83 trường trung học phổ thông chuyên, năng khiếu năm 2021**

Stt	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
Các trường trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trực thuộc đại học				
1	01	Hà Nội	009	Trường THPT chuyên Đại học Sư phạm Hà Nội
2	01	Hà Nội	011	Trường THPT chuyên Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
3	01	Hà Nội	013	Trường THPT chuyên Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
4	02	Hồ Chí Minh	019	Trường Phổ thông Năng khiếu, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
5	02	Hồ Chí Minh	020	Trường Trung học thực hành, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
6	29	Nghệ An	007	Trường THPT chuyên Đại học Vinh
7	33	Thừa Thiên - Huế	010	Trường THPT chuyên Đại học Khoa học, Đại học Huế
8	49	Long An	072	Trường THPT Năng khiếu, Đại học Tân Tạo
Các trường trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trực thuộc Tỉnh/Thành phố				
9	01	Hà Nội	010	Trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam
10	01	Hà Nội	012	Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ
11	01	Hà Nội	008	Trường THPT Chu Văn An
12	01	Hà Nội	079	Trường THPT Sơn Tây
13	02	TP. Hồ Chí Minh	016	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong
14	02	TP. Hồ Chí Minh	004	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa
15	02	TP. Hồ Chí Minh	055	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền
16	02	TP. Hồ Chí Minh	066	Trường THPT Gia Định
17	03	Hải Phòng	013	Trường THPT chuyên Trần Phú
18	04	Đà Nẵng	005	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
19	05	Hà Giang	012	Trường THPT chuyên Hà Giang
20	06	Cao Bằng	004	Trường THPT chuyên Cao Bằng
21	07	Lai Châu	001	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn

Stt	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
22	08	Lào Cai	018	Trường THPT chuyên Lào Cai
23	09	Tuyên Quang	009	Trường THPT chuyên Tuyên Quang
24	10	Lạng Sơn	002	Trường THPT chuyên Chu Văn An
25	11	Bắc Kạn	019	Trường THPT chuyên Bắc Kạn
26	12	Thái Nguyên	010	Trường THPT chuyên Thái Nguyên
27	13	Yên Bái	001	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành
28	14	Sơn La	004	Trường THPT chuyên Sơn La
29	15	Phú Thọ	001	Trường THPT chuyên Hùng Vương
30	16	Vĩnh Phúc	012	Trường THPT chuyên Vĩnh Phúc
31	17	Quảng Ninh	001	Trường THPT chuyên Hạ Long
32	18	Bắc Giang	012	Trường THPT chuyên Bắc Giang
33	19	Bắc Ninh	009	Trường THPT chuyên Bắc Ninh
34	21	Hải Dương	013	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
35	22	Hưng Yên	011	Trường THPT chuyên Hưng Yên
36	23	Hòa Bình	012	Trường THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
37	24	Hà Nam	011	Trường THPT chuyên Biên Hòa
38	25	Nam Định	002	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong
39	26	Thái Bình	002	Trường THPT chuyên Thái Bình
40	27	Ninh Bình	011	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy
41	28	Thanh Hóa	010	Trường THPT chuyên Lam Sơn
42	29	Nghệ An	006	Trường THPT chuyên Phan Bội Châu
43	30	Hà Tĩnh	040	Trường THPT chuyên Hà Tĩnh
44	31	Quảng Bình	004	Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp
45	32	Quảng Trị	024	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
46	33	Thừa Thiên - Huế	001	Trường THPT chuyên Quốc Học
47	34	Quảng Nam	010	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
48	34	Quảng Nam	007	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
49	35	Quảng Ngãi	013	Trường THPT chuyên Lê Khiết
50	36	Kon Tum	003	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành
51	37	Bình Định	003	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
52	37	Bình Định	081	Trường THPT chuyên Chu Văn An
53	38	Gia Lai	005	Trường THPT chuyên Hùng Vương
54	39	Phú Yên	005	Trường THPT chuyên Lương Văn Chánh
55	40	Đắk Lắk	024	Trường THPT chuyên Nguyễn Du

Stt	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
56	41	Khánh Hòa	017	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
57	42	Lâm Đồng	008	Trường THPT chuyên Thăng Long Đà Lạt
58	42	Lâm Đồng	093	Trường THPT chuyên Bảo Lộc
59	43	Bình Phước	003	Trường THPT chuyên Quang Trung
60	43	Bình Phước	042	Trường THPT chuyên Bình Long
61	44	Bình Dương	002	Trường THPT chuyên Hùng Vương
62	45	Ninh Thuận	017	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
63	46	Tây Ninh	003	Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha
64	47	Bình Thuận	013	Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo
65	48	Đồng Nai	001	Trường THPT chuyên Lương Thế Vinh
66	49	Long An	060	Trường THPT chuyên Long An
67	50	Đồng Tháp	023	Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
68	50	Đồng Tháp	016	Trường THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
69	51	An Giang	002	Trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu
70	51	An Giang	008	Trường THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa
71	52	Bà Rịa - Vũng Tàu	004	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
72	53	Tiền Giang	016	Trường THPT chuyên Tiền Giang
73	54	Kiên Giang	002	Trường THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
74	55	Cần Thơ	013	Trường THPT chuyên Lý Tự Trọng
75	56	Bến Tre	030	Trường THPT chuyên Bến Tre
76	57	Vĩnh Long	015	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
77	58	Trà Vinh	012	Trường THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
78	59	Sóc Trăng	003	Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
79	60	Bạc Liêu	009	Trường THPT chuyên Bạc Liêu
80	61	Cà Mau	016	Trường THPT chuyên Phan Ngọc Hiển
81	62	Điện Biên	002	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
82	63	Đắk Nông	037	Trường THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
83	64	Hậu Giang	039	Trường THPT chuyên Vị Thanh

2. Danh sách 66 trường THPT bổ sung năm 2021 (theo tiêu chí của ĐHQG-HCM)

Stt	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
1	02	TP. Hồ Chí Minh	001	THPT Trung Vương
2	02	TP. Hồ Chí Minh	002	THPT Bùi Thị Xuân

Ket

Stt	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
3	02	TP. Hồ Chí Minh	009	THPT Lê Quý Đôn
4	02	TP. Hồ Chí Minh	010	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
5	02	TP. Hồ Chí Minh	011	THPT Marie Curie
6	02	TP. Hồ Chí Minh	018	THPT Trần Khai Nguyên
7	02	TP. Hồ Chí Minh	023	THPT Mạc Đĩnh Chi
8	02	TP. Hồ Chí Minh	040	THPT Nguyễn Khuyến
9	02	TP. Hồ Chí Minh	048	THPT Võ Trường Toản
10	02	TP. Hồ Chí Minh	053	THPT Nguyễn Công Trứ
11	02	TP. Hồ Chí Minh	054	THPT Trần Hưng Đạo
12	02	TP. Hồ Chí Minh	060	THPT Trần Phú
13	02	TP. Hồ Chí Minh	061	THPT Tây Thạnh
14	02	TP. Hồ Chí Minh	063	THPT Võ Thị Sáu
15	02	TP. Hồ Chí Minh	065	THPT Hoàng Hoa Thám
16	02	TP. Hồ Chí Minh	068	THPT Phú Nhuận
17	02	TP. Hồ Chí Minh	070	THPT Nguyễn Hữu Huân
18	02	TP. Hồ Chí Minh	072	THPT Thủ Đức
19	02	TP. Hồ Chí Minh	094	THPT Nguyễn Hữu Cầu
20	02	TP. Hồ Chí Minh	245	THCS và THPT Nguyễn Khuyến
21	04	Đà Nẵng	002	THPT Phan Châu Trinh
22	35	Quảng Ngãi	003	Trường THPT Bình Sơn
23	35	Quảng Ngãi	008	Trường THPT Võ Nguyên Giáp
24	35	Quảng Ngãi	011	Trường THPT Trần Quốc Tuấn
25	36	Kon Tum	001	THPT Kon Tum
26	37	Bình Định	001	Quốc Học Quy Nhơn
27	39	Phú Yên	001	THPT Nguyễn Huệ
28	39	Phú Yên	008	THPT Lê Hồng Phong
29	40	Đắk Lắk	059	THPT Thực hành Cao Nguyên
30	41	Khánh Hoà	012	THPT Nguyễn Trãi
31	41	Khánh Hoà	015	THPT Lý Tự Trọng
32	42	Lâm Đồng	002	THPT Trần Phú
33	42	Lâm Đồng	003	THPT Bùi Thị Xuân
34	42	Lâm Đồng	018	THPT Đức Trọng
35	42	Lâm Đồng	026	THPT Bảo Lộc
36	43	Bình Phước	005	THPT Hùng Vương

Kier

Stt	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
37	44	Bình Dương	024	THPT Dĩ An
38	44	Bình Dương	045	THCS-THPT Nguyễn Khuyến
39	46	Tây Ninh	005	THPT Tây Ninh
40	47	Bình Thuận	001	THPT Phan Bội Châu
41	48	Đồng Nai	003	THPT Ngô Quyền
42	48	Đồng Nai	006	THPT Nguyễn Trãi
43	48	Đồng Nai	007	THPT Lê Hồng Phong
44	48	Đồng Nai	011	THPT Thống Nhất A
45	48	Đồng Nai	016	THPT Long Khánh
46	48	Đồng Nai	021	THPT Xuân Lộc
47	48	Đồng Nai	023	THPT Long Thành
48	48	Đồng Nai	053	THPT Trần Biên
49	49	Long An	002	THPT Tân An
50	49	Long An	006	THPT Nguyễn Hữu Thọ
51	50	Đồng Tháp	009	THPT Lấp Vò 1
52	51	An Giang	001	THPT Long Xuyên
53	51	An Giang	016	THPT Chu Văn An
54	51	An Giang	030	THPT Nguyễn Hữu Cảnh
55	51	An Giang	031	THPT Châu Văn Liêm
56	51	An Giang	037	THPT Nguyễn Bình Khiêm
57	52	Bà Rịa-Vũng Tàu	001	THPT Vũng Tàu
58	53	Tiền Giang	001	THPT Cái Bè
59	53	Tiền Giang	006	THPT Đốc Binh Kiều
60	53	Tiền Giang	015	THPT Nguyễn Đình Chiểu
61	53	Tiền Giang	019	THPT Chợ Gạo
62	53	Tiền Giang	022	THPT Vĩnh Bình
63	53	Tiền Giang	025	THPT Trương Định
64	56	Bến Tre	002	THPT Nguyễn Đình Chiểu
65	56	Bến Tre	020	THPT Phan Thanh Giản
66	57	Vĩnh Long	001	THPT Lưu Văn Liệt

PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	(1)		(2)					(3)		(4)		
						Mã ngành/nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4	Tổ hợp môn xét tuyển 5	Xét tuyển bằng điểm học lực 3 năm THPT				
16	ĐH	QSB	115	KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BIỂN	<p>(1) Là học sinh giỏi từ 2 năm trở lên đối với học sinh các trường THPT chuyên, năng khiếu, thực hành sư phạm; hoặc (ii) là học sinh giỏi 3 năm đối với các trường THPT còn lại trong danh sách; hoặc (iii) là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh/hành thành phố dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia hoặc (iv) là học sinh khá trở lên trong 3 năm và đạt giải vô địch, nhất, nhì, ba trong kỳ thi ICPC Quốc gia khi đăng ký vào các ngành Khoa học Máy tính, Kỹ thuật Máy tính.</p>	A00	Toán	A01	Toán							x	
17	ĐH	QSB	115	KỸ THUẬT CƠ SỞ HẠ TẦNG		A00	Toán	A01	Toán								x
18	ĐH	QSB	115	KỸ THUẬT TRÁC ĐỊA VÀ BẢN ĐỒ		A00	Toán	A01	Toán								x
19	ĐH	QSB	115	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT VẬT LIÊU XÂY DỰNG		A00	Toán	A01	Toán								x
20	ĐH	QSB	117	KIẾN TRÚC		A01	Toán	C01	Toán								x
21	ĐH	QSB	120	KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT		A00	Toán	A01	Toán								x
22	ĐH	QSB	120	KỸ THUẬT ĐẦU KHÍ		A00	Toán	A01	Toán								x
23	ĐH	QSB	123	QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP		A00	Toán	A01	Anh	D01	Anh	D07	Anh				x
24	ĐH	QSB	125	KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG		A00	Toán	A01	Toán	B00	Toán	D07	Toán				x
25	ĐH	QSB	125	QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG		A00	Toán	A01	Toán								x
26	ĐH	QSB	128	KỸ THUẬT HỆ THỐNG CÔNG NGHIỆP		A00	Toán	A01	Toán								x
27	ĐH	QSB	128	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG		A00	Toán	A01	Toán								x
28	ĐH	QSB	129	KỸ THUẬT VẬT LIÊU		A00	Toán	A01	Toán	D07	Toán						x
29	ĐH	QSB	137	VẬT LÝ KỸ THUẬT	A00	Toán	A01	Toán								x	
30	ĐH	QSB	138	CƠ KỸ THUẬT	A00	Toán	A01	Toán								x	
31	ĐH	QSB	140	KỸ THUẬT NHIỆT (NHIỆT LẠNH)	A00	Toán	A01	Toán								x	
32	ĐH	QSB	141	BẢO DƯỠNG CÔNG NGHIỆP	A00	Toán	A01	Toán								x	
33	ĐH	QSB	142	KỸ THUẬT Ô TÔ	A00	Toán	A01	Toán								x	

PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4		Tổ hợp môn xét tuyển 5		Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
					(2)	(3)										(4)
34	ĐH	QSB	145	KỸ THUẬT TÀU THỦY	(i) Là học sinh giỏi từ 2 năm trở lên đối với học sinh các trường THPT chuyên, năng khiếu, thực hành sư phạm; hoặc (ii) là học sinh giỏi 3 năm đối với các trường THPT còn lại trong danh sách; hoặc (iii) là thành viên đội tuyển thi học sinh giỏi quốc gia hoặc (iv) là học sinh khá trở lên trong 3 năm và đạt giải vô địch, nhất, nhì, ba trong kỳ thi ICPC Quốc gia khi đăng ký vào các ngành Khoa học Máy tính, Kỹ thuật Máy tính.	A00	Toán	A01	Toán							x
35	ĐH	QSB	145	KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG		A00	Toán	A01	Toán							x
36	ĐH	QSB	206	KHOA HỌC MÁY TÍNH (CLC BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Anh							x
37	ĐH	QSB	207	KỸ THUẬT MÁY TÍNH (CLC BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Anh							x
38	ĐH	QSB	208	KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ (TIỀN TIẾN BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Anh							x
39	ĐH	QSB	209	KỸ THUẬT CƠ KHÍ (CLC BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Anh							x
40	ĐH	QSB	210	KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ (CLC BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Anh							x
41	ĐH	QSB	211	KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ (KỸ THUẬT ROBOT) (CLC BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Anh							x
42	ĐH	QSB	214	KỸ THUẬT HÓA HỌC (CLC BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	B00	Toán	D07	Toán					x
43	ĐH	QSB	215	KỸ THUẬT XÂY DỰNG (CLC BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Anh							x
44	ĐH	QSB	215	KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG (CLC BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Anh							x
45	ĐH	QSB	217	KIẾN TRÚC (KIẾN TRÚC CẢNH QUAN) (CLC BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Anh							x
46	ĐH	QSB	219	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (CLC BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	B00	Toán	D07	Toán					x
47	ĐH	QSB	220	KỸ THUẬT DẦU KHÍ (CLC BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Toán							x
48	ĐH	QSB	223	QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP (CLC BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Toán	B00	Toán	D07	Anh			x
49	ĐH	QSB	225	KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG (CLC BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Toán	B00	Toán	D07	Anh			x
50	ĐH	QSB	225	QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (CLC BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Toán	B00	Toán	D07	Anh			x
51	ĐH	QSB	228	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG (CLC BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Anh							x

PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/Nhóm ngành/Chương trình học	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4		Tổ hợp môn xét tuyển 5		Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
					(2)	(3)		(4)								
52	ĐH	QSB	237	VẬT LÝ KỸ THUẬT (KỸ THUẬT Y SINH) (CLC BẢNG TIẾNG ANH)	(i) Là học sinh giỏi từ 2 năm trở lên đối với học sinh các trường THPT chuyên, năng khiếu, thực hành sư phạm; hoặc (ii) là học sinh giỏi 3 năm đối với các trường THPT còn lại trong danh sách; hoặc (iii) là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh/thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia hoặc (iv) là học sinh khá trở lên trong 3 năm và đạt giải vô địch, nhất, nhì, ba trong kỳ thi ICPC Quốc gia khi đăng ký vào các ngành Khoa học Máy tính, Kỹ thuật Máy tính.	A00	Toán	B00	Toán							x
53	ĐH	QSB	242	KỸ THUẬT Ô TÔ (CLC BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Anh							x
54	ĐH	QSB	245	KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG (CLC BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Toán							x
55	ĐH	QSB	266	KHOA HỌC MÁY TÍNH (CLC TĂNG CƯỜNG TIẾNG NHẬT)		A00	Toán	A01	Toán							x
56	ĐH	QSB	268	CƠ KỸ THUẬT (CLC TĂNG CƯỜNG TIẾNG NHẬT)		A00	Toán	A01	Toán							x
II/ Trường ĐH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN																
1	ĐH	QSX	7140101	GIÁO DỤC HỌC	Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị	B00		C00		C01		D01				
2	ĐH	QSX	7140114	QUẢN LÝ GIÁO DỤC		A01		C00		D01		D14				
3	ĐH	QSX	7220201	NGÔN NGỮ ANH		D01										
4	ĐH	QSX	7220202	NGÔN NGỮ NGA		D01		D02								
5	ĐH	QSX	7220203	NGÔN NGỮ PHÁP		D01		D03								
6	ĐH	QSX	7220204	NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC		D01		D04								
7	ĐH	QSX	7220205	NGÔN NGỮ ĐỨC		D01		D05								
8	ĐH	QSX	7220206	NGÔN NGỮ TÂY BAN NHA		D01		D03		D05						
9	ĐH	QSX	7220208	NGÔN NGỮ ITALIA		D01		D03		D05						
10	ĐH	QSX	7229001	TRIẾT HỌC		A01		C00		D01		D14				
11	ĐH	QSX	7229009	TÔN GIÁO HỌC		C00		D01								
12	ĐH	QSX	7229010	LỊCH SỬ		C00		D01								

PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM																			
Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/Nhóm ngành/Chương trình học	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4		Tổ hợp môn xét tuyển 5		Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT			
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính				
(1)						(2)						(3)						(4)	
31	ĐH	QSX	7340406	QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG	Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị	C00	D01	D01		D14									
32	ĐH	QSX	7580112	ĐỒ THỊ HỌC		A01	C00			D01		D14							
33	ĐH	QSX	7760101	CÔNG TÁC XÃ HỘI		C00	D01			D14									
34	ĐH	QSX	7810103	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH		C00	D01			D14									
35	ĐH	QSX	7220201_CLC	NGÔN NGỮ ANH_CHẤT LƯỢNG CAO		D01													
36	ĐH	QSX	7220204_CLC	NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC_CHẤT LƯỢNG CAO		D01		D04											
37	ĐH	QSX	7220205_CLC	NGÔN NGỮ ĐỨC_CHẤT LƯỢNG CAO		D01		D05											
38	ĐH	QSX	7310206_CLC	QUAN HỆ QUỐC TẾ_CHẤT LƯỢNG CAO		D01		D14											
39	ĐH	QSX	7310613_CLC	NHẬT BẢN HỌC_CHẤT LƯỢNG CAO		D01		D06											
40	ĐH	QSX	7320101_CLC	BẢO CHỨ CHẤT LƯỢNG CAO		C00		D01		D14									
41	ĐH	QSX	7810103_CLC	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH_CHẤT LƯỢNG CAO		C00		D01		D14									
III/ Trường ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN																			
1	ĐH	QST	7420101	SINH HỌC	Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị	A02				B08									
2	ĐH	QST	7420101_CLC	SINH HỌC (CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO)		A02					B08								
3	ĐH	QST	7420201	CÔNG NGHỆ SINH HỌC		A02					B08		D90						
4	ĐH	QST	7420201_CLC	CÔNG NGHỆ SINH HỌC (CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO)		A02					B08		D90						
5	ĐH	QST	7440102	VẬT LÝ HỌC		A00		A01			A02		D90						
5	ĐH	QST	7440112	HOÁ HỌC	A00		B00			D07		D90							

PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	(1)		(2)		(3)					Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT
					Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4	Tổ hợp môn xét tuyển 5		
7	ĐH	QST	7440112_CLC	HÓA HỌC (CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO)				A00	B00	D07	D07	D90		
8	ĐH	QST	7440112_VP	HOÁ HỌC (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VIỆT - PHÁP)				A00	B00	D07	D07	D24		
9	ĐH	QST	7440122	KHOA HỌC VẬT LIỆU				A00	A01	B00	B00	D07		
10	ĐH	QST	7440201	ĐỊA CHẤT HỌC				A00	A01	B00	B00	D07		
11	ĐH	QST	7440228	HẢI DƯƠNG HỌC				A00	A01	B00	B00	D07		
12	ĐH	QST	7440301	KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG				A00	B00	B08	B08	D07		
13	ĐH	QST	7440301_CLC	KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG (CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO)				A00	B00	B08	B08	D07		
14	ĐH	QST	7460101_NN	NHÓM NGÀNH TOÁN HỌC, TOÁN ỨNG DỤNG, TOÁN TIN				A00	A01	B00	B00	D01		
15	ĐH	QST	7480101_TT	KHOA HỌC MÁY TÍNH (CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN)				A00	A01	B08	B08	D07		
16	ĐH	QST	7480109	KHOA HỌC DỮ LIỆU				A00	A01	B08	B08	D07		
17	ĐH	QST	7480201_CLC	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO)				A00	A01	B08	B08	D07		
18	ĐH	QST	7480201_NN	NHÓM NGÀNH MÁY TÍNH VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN				A00	A01	B08	B08	D07		
19	ĐH	QST	7480201_VP	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VIỆT - PHÁP)				A00	A01	D07	D07	D29		
20	ĐH	QST	7510401_CLC	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT HOÁ HỌC (CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO)				A00	B00	D07	D07	D90		
21	ĐH	QST	7510402	CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU				A00	A01	B00	B00	D07		
22	ĐH	QST	7510406	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG				A00	B00	B08	B08	D07		
23	ĐH	QST	7520207	KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG				A00	A01	D07	D07	D90		
24	ĐH	QST	7520207_CLC	KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG (CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO)				A00	A01	D07	D07	D90		

Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị

PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4		Tổ hợp môn xét tuyển 5		Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính		Tổ hợp môn
					(2)	(3)						(4)					
25	ĐH	QST	7520402	KỸ THUẬT HẠT NHÂN	Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị	A00		A01		A02		D90					
26	ĐH	QST	7520403	VẬT LÝ Y KHOA		A00		A01		A02		D90					
27	ĐH	QST	7520501	KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT		A00		A01		B00		D07					
IV/ Trường ĐHQG-KINH TẾ - DŨNG																	
1	ĐH	QSK	7310101_401	KINH TẾ (KINH TẾ HỌC)	- Tốt nghiệp THPT năm 2021. - Đạt danh hiệu học sinh giỏi trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 hoặc là thành viên đội tuyển của trường/tỉnh tham dự kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia hay cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia. - Có hạnh kiểm tốt trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12. - Chỉ áp dụng một lần dùng năm học sinh tốt nghiệp THPT. - Thí sinh chỉ đủ điều kiện trúng tuyển khi điểm thi tốt nghiệp THPT của 3 môn tổ hợp xét tuyển A00 hoặc A01, D01 hoặc D07 phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào. (lấy điểm thi THPT 2021 theo các môn có trong tổ hợp xét tuyển)	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán				
2	ĐH	QSK	7310101_401C	KINH TẾ (KINH TẾ HỌC) (CHẤT LƯỢNG CAO)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán				
3	ĐH	QSK	7310101_403	KINH TẾ (KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ CÔNG)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán				
4	ĐH	QSK	7310101_403C	KINH TẾ (KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ CÔNG) (CHẤT LƯỢNG CAO)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán				
5	ĐH	QSK	7310106_402	KINH TẾ QUỐC TẾ (KINH TẾ ĐỐI NGOẠI)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán				
5	ĐH	QSK	7310106_402C	KINH TẾ QUỐC TẾ (KINH TẾ ĐỐI NGOẠI) (CHẤT LƯỢNG CAO)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán				
7	ĐH	QSK	7310106_402CA	KINH TẾ QUỐC TẾ (KINH TẾ ĐỐI NGOẠI) (CHẤT LƯỢNG CAO BẰNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán				
8	ĐH	QSK	7310108_413	TOÁN KINH TẾ (TOÁN ỨNG DỤNG TRONG KINH TẾ, QUẢN TRỊ VÀ TÀI CHÍNH)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán				
9	ĐH	QSK	7310108_413C	TOÁN KINH TẾ (TOÁN ỨNG DỤNG TRONG KINH TẾ, QUẢN TRỊ VÀ TÀI CHÍNH) (CHẤT LƯỢNG CAO)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán				
10	ĐH	QSK	7310108_413CA	TOÁN KINH TẾ (TOÁN ỨNG DỤNG TRONG KINH TẾ, QUẢN TRỊ VÀ TÀI CHÍNH) (CHẤT LƯỢNG CAO BẰNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán				
11	ĐH	QSK	7340101_407	QUẢN TRỊ KINH DOANH		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán				
12	ĐH	QSK	7340101_407C	QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHẤT LƯỢNG CAO)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán				
13	ĐH	QSK	7340101_407CA	QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHẤT LƯỢNG CAO BẰNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán				
14	ĐH	QSK	7340101_415	QUẢN TRỊ KINH DOANH (QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán				

PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4		Tổ hợp môn xét tuyển 5		Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
15	ĐH	QSK	7340115_410	MARKETING	<p>(2)</p> <p>Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển</p> <p>(3)</p> <p>(4)</p>	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D07	Toán	
16	ĐH	QSK	7340115_410C	MARKETING (CHẤT LƯỢNG CAO)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D07	Toán	
17	ĐH	QSK	7340115_410CA	MARKETING (CHẤT LƯỢNG CAO BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D07	Toán	
18	ĐH	QSK	7340120_408	KINH DOANH QUỐC TẾ		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D07	Toán	
19	ĐH	QSK	7340120_408C	KINH DOANH QUỐC TẾ (CHẤT LƯỢNG CAO)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D07	Toán	
20	ĐH	QSK	7340120_408CA	KINH DOANH QUỐC TẾ (CHẤT LƯỢNG CAO BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D07	Toán	
21	ĐH	QSK	7340122_411	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D07	Toán	
22	ĐH	QSK	7340122_411C	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (CHẤT LƯỢNG CAO)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D07	Toán	
23	ĐH	QSK	7340122_411CA	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (CHẤT LƯỢNG CAO BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D07	Toán	
24	ĐH	QSK	7340201_404	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D07	Toán	
25	ĐH	QSK	7340201_404C	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHẤT LƯỢNG CAO)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D07	Toán	
26	ĐH	QSK	7340201_404CA	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHẤT LƯỢNG CAO BẢNG TIẾNG ANH)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D07	Toán	
27	ĐH	QSK	7340208_414C	CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH (CHẤT LƯỢNG CAO)	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D07	Toán		
28	ĐH	QSK	7340301_405	KẾ TOÁN	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D07	Toán		
29	ĐH	QSK	7340301_405C	KẾ TOÁN (CHẤT LƯỢNG CAO)	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D07	Toán		
30	ĐH	QSK	7340301_405CA	KẾ TOÁN (CHẤT LƯỢNG CAO BẢNG TIẾNG ANH)	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D07	Toán		
31	ĐH	QSK	7340302_409	KIỂM TOÁN	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D07	Toán		
32	ĐH	QSK	7340302_409C	KIỂM TOÁN (CHẤT LƯỢNG CAO)	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D07	Toán		

PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	(1)	(2)	(3)				(4)					
							Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4		Tổ hợp môn xét tuyển 5	Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT			
33	ĐH	QSK	7340405_406	HỆ THÔNG THÔNG TIN QUẢN LÝ			A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán		
34	ĐH	QSK	7340405_406C	HỆ THÔNG THÔNG TIN QUẢN LÝ (CHẤT LƯỢNG CAO)			A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán		
35	ĐH	QSK	7340405_416C	HỆ THÔNG THÔNG TIN QUẢN LÝ (KINH DOANH SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO) (CHẤT LƯỢNG CAO)			A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán		
36	ĐH	QSK	7380101_503	LUẬT (LUẬT DÂN SỰ)			A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán		
37	ĐH	QSK	7380101_503C	LUẬT (LUẬT DÂN SỰ) (CHẤT LƯỢNG CAO)			A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán		
38	ĐH	QSK	7380101_503CA	LUẬT (LUẬT DÂN SỰ) (CHẤT LƯỢNG CAO BẢNG TIẾNG ANH)			A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán		
39	ĐH	QSK	7380101_504	LUẬT (LUẬT TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG)			A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán		
40	ĐH	QSK	7380101_504C	LUẬT (LUẬT TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG) (CHẤT LƯỢNG CAO)			A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán		
41	ĐH	QSK	7380101_504CP	LUẬT (LUẬT TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG) (CHẤT LƯỢNG CAO TĂNG CƯỜNG TIẾNG PHÁP)			A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán		
42	ĐH	QSK	7380107_501	LUẬT KINH TẾ (LUẬT KINH DOANH)			A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán		
43	ĐH	QSK	7380107_501C	LUẬT KINH TẾ (LUẬT KINH DOANH) (CHẤT LƯỢNG CAO)			A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán		
44	ĐH	QSK	7380107_502	LUẬT KINH TẾ (LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ)			A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán		
45	ĐH	QSK	7380107_502C	LUẬT KINH TẾ (LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ) (CHẤT LƯỢNG CAO)			A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán		

(1) Trường ĐH Công nghệ Thông tin

1	ĐH	QSC	7480101	KHOA HỌC MÁY TÍNH			A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán		
2	ĐH	QSC	7480101_TTNT	KHOA HỌC MÁY TÍNH (TRÍ TUỆ NHÂN TẠO)			A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán		
3	ĐH	QSC	7480101_CLCA	KHOA HỌC MÁY TÍNH (CLC)			A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán		
4	ĐH	QSC	7480102	MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG DỮ LIỆU			A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán		

PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4		Tổ hợp môn xét tuyển 5		Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính		Tổ hợp môn
					(2)	(3)						(4)					
5	ĐH	QSC	7480102_CLCA	MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG DỮ LIỆU (CLC)	<p>Tốt nghiệp THPT năm 2021.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hạnh kiểm tốt trong 3 năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 và đáp ứng một trong các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> o Học sinh của 83 trường chuyên, năng khiếu của các trường đại học thuộc các tỉnh, thành trên toàn quốc đạt tối thiểu 2 năm học sinh giỏi trong các năm học ở bậc THPT (lớp 10, 11, 12). o Học sinh của 66 trường trung học phổ thông theo danh sách do ĐHQG-HCM công bố đạt 3 năm học sinh giỏi ở bậc THPT (lớp 10, 11, 12). o Là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia. 	A00		A01		D01		D07		D07			
6	ĐH	QSC	7480103	KỸ THUẬT PHẦN MỀM		A00		A01		D01		D07		D07			
7	ĐH	QSC	7480103_CLCA	KỸ THUẬT PHẦN MỀM (CLC)		A00		A01		D01		D07		D07			
8	ĐH	QSC	7480104	HỆ THÔNG THÔNG TIN		A00		A01		D01		D07		D07			
9	ĐH	QSC	7480104_TT	HỆ THÔNG THÔNG TIN (TIỀN TIẾN)		A01		D01		D07							
10	ĐH	QSC	7480104_CLCA	HỆ THÔNG THÔNG TIN (CLC)		A00		A01		D01		D07		D07			
11	ĐH	QSC	7340122	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ		A00		A01		D01		D07		D07			
12	ĐH	QSC	7340122_CLCA	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (CLC)		A00		A01		D01		D07		D07			
13	ĐH	QSC	7480201	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN		A00		A01		D01		D07		D07			
14	ĐH	QSC	7480201_CLCN	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CLC ĐỊNH HƯỚNG NHẬT BẢN)		A00		A01		D01		D07		D07	D06		
15	ĐH	QSC	7480109	KHOA HỌC DỮ LIỆU		A00		A01		D01		D07		D07			
16	ĐH	QSC	7480202	AN TOÀN THÔNG TIN		A00		A01		D01		D07		D07			
17	ĐH	QSC	7480202_CLCA	AN TOÀN THÔNG TIN (CLC)		A00		A01		D01		D07		D07			
18	ĐH	QSC	7480106	KỸ THUẬT MÁY TÍNH		A00		A01		D01		D07		D07			
19	ĐH	QSC	7480106_IOT	KỸ THUẬT MÁY TÍNH (HỆ THÔNG NHÚNG VÀ IOT)		A00		A01		D01		D07		D07			
20	ĐH	QSC	7480106_CLCA	KỸ THUẬT MÁY TÍNH (CLC)		A00		A01		D01		D07		D07			
VII/ Trường ĐH QUỐC TẾ																	
ĐH	QSQ	7340101	QUẢN TRỊ KINH DOANH			A00		A01		D01		D07		D07			x

PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2021	Mã ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	(1)				(2)				(3)				(4)
					Mã ngành/ nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2021	Mã ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	Mã ngành/ nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2021	Mã ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4	Tổ hợp môn xét tuyển 5	Xét tuyển bảng điểm trung bình học lực 3 năm THPT			
2	ĐH	QSQ	7340201	TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG					A00	A01	D01	D07					x
3	ĐH	QSQ	7340301	KẾ TOÁN					A00	A01	D01	D07					x
4	ĐH	QSQ	7220201	NGÔN NGỮ ANH					A01	B08	D01	D07					x
5	ĐH	QSQ	7480201	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN					A00	A01							x
5	ĐH	QSQ	7480109	KHOA HỌC DỮ LIỆU					A00	A01							x
7	ĐH	QSQ	7480101	KHOA HỌC MÁY TÍNH					A00	A01							x
8	ĐH	QSQ	7420201	CÔNG NGHỆ SINH HỌC					A00	B00	B08	D07					x
9	ĐH	QSQ	7540101	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM					A00	A01	B00	D07					x
10	ĐH	QSQ	7440112	HÓA HỌC (HÓA SINH)					A00	B00	B08	D07					x
11	ĐH	QSQ	7520301	KỸ THUẬT HÓA HỌC					A00	A01	B00	D07					x
12	ĐH	QSQ	7520118	KỸ THUẬT HỆ THỐNG CÔNG NGHIỆP					A00	A01	D01						x
13	ĐH	QSQ	7510605	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG					A00	A01	D01						x
14	ĐH	QSQ	7520207	KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG					A00	A01	B00	D01					x
15	ĐH	QSQ	7520216	KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA					A00	A01	B00	D07					x
16	ĐH	QSQ	7520212	KỸ THUẬT Y SINH					A00	B00	B08	D07					x
17	ĐH	QSQ	7580201	KỸ THUẬT XÂY DỰNG					A00	A01	D07						x
18	ĐH	QSQ	7580302	QUẢN LÝ XÂY DỰNG					A00	A01	D01						x
19	ĐH	QSQ	7460112	TOÁN ỨNG DỤNG (KỸ THUẬT TÀI CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO)					A00	A01							x

• Tốt nghiệp THPT năm 2021.
 • Đạt danh hiệu học sinh giỏi trong 3 năm học lớp 10, lớp 11 và lớp 12; hoặc là thành viên đội tuyển của trường hoặc tính thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia.
 • Có hạnh kiểm tốt trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.

PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	(1)	(2)						(3)						(4)
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
20	ĐH	QSQ	7520121	KỸ THUẬT KHÔNG GIAN		A00	A01	A02	D90								x	
21	ĐH	QSQ	7520320	KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG		A00	A02	B00	D07								x	
22	ĐH	QSQ	7420201_UN	CÔNG NGHỆ SINH HỌC (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH NOTTINGHAM) (2+2)		A00	B00	B08	D07								x	
23	ĐH	QSQ	7420201_WE2	CÔNG NGHỆ SINH HỌC (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (2+2)		A00	B00	B08	D07								x	
24	ĐH	QSQ	7420201_WE4	CÔNG NGHỆ SINH HỌC ĐỊNH HƯỚNG Y SINH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (4+0)		A00	B00	B08	D07								x	
25	ĐH	QSQ	7480201_DK25	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH DEAKIN) (2.5+1.5)		A00	A01										x	
26	ĐH	QSQ	7480201_DK2	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH DEAKIN) (2+2)		A00	A01										x	
27	ĐH	QSQ	7480201_DK3	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH DEAKIN) (3+1)		A00	A01										x	
28	ĐH	QSQ	7480201_UN	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH NOTTINGHAM) (2+2)		A00	A01										x	
29	ĐH	QSQ	7480201_WE2	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (2+2)		A00	A01										x	
30	ĐH	QSQ	7480201_WE4	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (4+0)		A00	A01										x	
31	ĐH	QSQ	7540101_UN	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH NOTTINGHAM) (2+2)		A00	A01	B00	D07								x	
32	ĐH	QSQ	7520207_UN	KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ - VIỆN THÔNG (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH NOTTINGHAM) (2+2)		A00	A01	B00	D01								x	

• Tốt nghiệp THPT năm 2021.
 • Đạt danh hiệu học sinh giỏi trong 3 năm học lớp 10, lớp 11 và lớp 12; hoặc là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia.
 • Có hạnh kiểm tốt trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.



PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/Nhóm ngành/Chương trình học	(1)		(2)		(3)						(4)		
					Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/Nhóm ngành/Chương trình học	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4	Tổ hợp môn xét tuyển 5	Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT				
33	ĐH	QSQ	7520207_WE	KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ - VIỆN THÔNG (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (2+2)					A00	A01	B00	D01					X
34	ĐH	QSQ	7520207_SB	KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH SUNY BINGHAMTON) (2+2)					A00	A01	B00	D01					X
35	ĐH	QSQ	7520118_SB	KỸ THUẬT HỆ THỐNG CÔNG NGHIỆP (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH SUNY BINGHAMTON) (2+2)					A00	A01	D01						X
36	ĐH	QSQ	7480106_SB	KỸ THUẬT MÁY TÍNH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH SUNY BINGHAMTON) (2+2)					A00	A01							X
37	ĐH	QSQ	7220201_WE2	NGÔN NGỮ ANH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (2+2)					A01	B08	D01	D07					X
38	ĐH	QSQ	7220201_WE3	NGÔN NGỮ ANH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (3+1)					A01	B08	D01	D07					X
39	ĐH	QSQ	7220201_WE4	NGÔN NGỮ ANH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (4+0)					A01	B08	D01	D07					X
40	ĐH	QSQ	7340101_AU	QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH CÔNG NGHỆ AUCKLAND) (2+2)					A00	A01	D01	D07					X
41	ĐH	QSQ	7340101_UH	QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH HOUSTON) (2+2)					A00	A01	D01	D07					X
42	ĐH	QSQ	7340101_NS	QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH NEW SOUTH WALES) (2+2)					A00	A01	D01	D07					X
43	ĐH	QSQ	7340101_LUN	QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH NOTTINGHAM) (2+2)					A00	A01	D01	D07					X
44	ĐH	QSQ	7340101_WE	QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (2+2)					A00	A01	D01	D07					X
45	ĐH	QSQ	7340101_WE4	QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐH WEST OF ENGLAND) (4+0)					A00	A01	D01	D07					X

• Tốt nghiệp THPT năm 2021.
 • Đạt danh hiệu học sinh giỏi trong 3 năm học lớp 10, lớp 11 và lớp 12; hoặc là thành viên đội tuyển của trường hoặc tính thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia.
 • Có hạnh kiểm tốt trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.

PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển										Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT		
					Tổ hợp môn 1	Tổ hợp môn 2	Tổ hợp môn 3	Tổ hợp môn 4	Tổ hợp môn 5	Tổ hợp môn 1	Tổ hợp môn 2	Tổ hợp môn 3	Tổ hợp môn 4	Tổ hợp môn 5			
(1)					(2)					(3)					(4)		
VII/ Trường ĐHYEN GIANG																	
1	ĐH	QSA	7140201	GIÁO DỤC MẦM NON													
2	ĐH	QSA	7140202	GIÁO DỤC TIỂU HỌC													
3	ĐH	QSA	7140205	GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ													
4	ĐH	QSA	7140209	SƯ PHẠM TOÁN HỌC													
5	ĐH	QSA	7140211	SƯ PHẠM VẬT LÝ													
6	ĐH	QSA	7140212	SƯ PHẠM HÓA HỌC													
7	ĐH	QSA	7140217	SƯ PHẠM NGŨ VĂN													
8	ĐH	QSA	7140218	SƯ PHẠM LỊCH SỬ													
9	ĐH	QSA	7140219	SƯ PHẠM ĐỊA LÝ													
10	ĐH	QSA	7140231	SƯ PHẠM TIẾNG ANH													
11	ĐH	QSA	7340101	QUẢN TRỊ KINH DOANH													x
12	ĐH	QSA	7340115	MARKETING													x
13	ĐH	QSA	7340201	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG, GỒM 2 CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG; TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP													x
14	ĐH	QSA	7340301	KẾ TOÁN													x
15	ĐH	QSA	7380101	LUẬT, GỒM 3 CHUYÊN NGÀNH: LUẬT KINH TẾ; LUẬT HÀNH CHÍNH; LUẬT HÌNH SỰ													x
16	ĐH	QSA	7420201	CÔNG NGHỆ SINH HỌC (CHƯƠNG TRÌNH CLC)													x
17	ĐH	QSA	7480103	KỸ THUẬT PHẦN MỀM													x

Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị



PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/Nhóm ngành/Chương trình học	(1)		(2)		(3)						(4)		
					Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	Thông tin chi tiết tại đề án tuyển sinh 2021 của đơn vị	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4	Tổ hợp môn xét tuyển 5	Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT			
18	ĐH	QSA	7480201	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, GỒM 2 CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN; AN TOÀN THÔNG TIN					A00	A01	C01	D01					x
19	ĐH	QSA	7510406	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG					A00	A01	B00	D07					x
20	ĐH	QSA	7510401	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT HOÁ HỌC					A00	A01	B00	D07					x
21	ĐH	QSA	7540101	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (CHƯƠNG TRÌNH CLC)					A00	B00	C05	D01					x
22	ĐH	QSA	7620105	CHĂN NUÔI					A00	B00	C08	D01					x
23	ĐH	QSA	7620110	KHOA HỌC CÂY TRỒNG (CHƯƠNG TRÌNH CLC)					A00	B00	C15	D01					x
24	ĐH	QSA	7620112	BẢO VỆ THỰC VẬT					A00	B00	C15	D01					x
25	ĐH	QSA	7620116	PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN					A00	B00	C00	D01					x
26	ĐH	QSA	7620301	NUÔI TRỒNG THỦY SẢN					A00	B00	D01	D10					x
27	ĐH	QSA	7310630	VIỆT NAM HỌC, GỒM 2 CHUYÊN NGÀNH: HƯỚNG DẪN DU LỊCH; QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG - KHÁCH SẠN					A01	C00	C04	D01					x
28	ĐH	QSA	7220201	NGÔN NGỮ ANH, GỒM 2 CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH; TIẾNG ANH DU LỊCH					A01	Anh	D09	Anh	D14	Anh			x
29	ĐH	QSA	7229030	VĂN HỌC					C00	D01	D14	D15					x
30	ĐH	QSA	7310106	KINH TẾ QUỐC TẾ					A00	A01	C15	D01					x
31	ĐH	QSA	7850101	QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					A00	A01	B00	D07					x
32	ĐH	QSA	7229001	TRIẾT HỌC					A01	C00	C01	D01					x
/III/ Khoa Y																	
	ĐH	QSY	7720101_CLC	Y KHOA (CLC)					B00	Sinh học							

- Tốt nghiệp THPT và có học lực giỏi năm lớp 12

PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Mã ngành/nhóm ngành/Chương trình học	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4		Tổ hợp môn xét tuyển 5		Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT
					Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
				(2)	(3)		(4)								
2	ĐH	QSY	7720201_CLC	DƯỢC HỌC (CLC)	- Đối với phương thức UTXT và UTXT thẳng, Khoa Y xét tuyển dựa trên tổng điểm 3 môn Toán, Hóa, Sinh trong 3 năm THPT	B00	Hóa học								
3	ĐH	QSY	7720501_CLC	RĂNG - HÀM - MẮT (CLC)		B00	Sinh học								
X/ Phẩm hiệu ĐHQG-HCM (tại tỉnh Bến Tre)															
1	ĐH	QSP	7580201	KỸ THUẬT XÂY DỰNG	<ol style="list-style-type: none"> Tốt nghiệp THPT năm 2021. Có hạnh kiểm Tốt trong 3 năm lớp 10, lớp 11, lớp 12. Chỉ áp dụng một lần đúng năm học sinh tốt nghiệp THPT năm 2021. Là học sinh thuộc các trường THPT thuộc diện ưu tiên xét tuyển theo Quy định của ĐHQG-HCM năm 2021 Kết quả học tập: <ul style="list-style-type: none"> Học sinh các trường chuyên, năng khiếu của các trường đại học, tỉnh, thành trên toàn quốc đạt tối thiểu 2 năm học sinh giỏi trong các năm học ở bậc THPT (lớp 10, 11, 12). Học sinh thuộc các trường THPT còn lại đạt danh hiệu học sinh giỏi 3 năm ở bậc THPT (lớp 10, 11, 12). Là thành viên đội tuyển của trường hoặc tình thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia. 	A00	Toán	A01	Toán	D90	Toán				x
Q/ Khoa Hành chính - Chính trị															

PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/nhóm ngành/chương trình tuyển sinh năm 2021	Ngành/Nhóm ngành/Chương trình học	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4		Tổ hợp môn xét tuyển 5		Xét tuyển bằng điểm trung bình học lực 3 năm THPT	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính		Tổ hợp môn
						(1)		(2)		(3)		(4)					
1	ĐH	QSH	7340403	QUẢN LÝ CÔNG	<ul style="list-style-type: none"> Tốt nghiệp THPT năm 2021. Hạnh kiểm tốt trong 3 năm THPT Học sinh của 83 trường chuyên, năng khiếu trong cả nước đạt tối thiểu 2 năm học sinh giỏi trong các năm học ở bậc THPT (Lớp 10, 11, 12). Học sinh của 66 trường THPT thuộc nhóm ưu tiên trên (theo danh sách do ĐHQG-HCM công bố) đạt danh hiệu học sinh giỏi 3 năm ở bậc THPT (Lớp 10, 11, 12). Là thành viên đội tuyển của trường hoặc tình thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia. 	A01	Toán	D01	Anh	C15	Văn	D00	Địa lý			x	
KI/Việc ĐÀO TẠO QUỐC TẾ																	
1	ĐH	IEI		QUẢN TRỊ KINH DOANH 4+0 (Đại học Andrews, Hoa Kỳ cấp bằng)	<p>(*):Thí sinh cần tốt nghiệp THPT, có điểm trung bình 3 năm THPT ≥ 6.5 và có trình độ tiếng Anh tương đương B2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương với chứng chỉ IELTS 5.5) trở lên.</p>											x	
2	ĐH	IEI		QUẢN TRỊ KINH DOANH 2+2 (UCP) Chương trình tiên kết với trường ĐH Truman State, Hoa Kỳ													x
3	ĐH	IEI	7340101_LK	QUẢN TRỊ KINH DOANH 2+2 (UCP) Chương trình tiên kết với trường ĐH Central Oklahoma, Hoa Kỳ													x
4	ĐH	IEI		QUẢN TRỊ KINH DOANH 2+2 (UCP) Chương trình tiên kết với trường ĐH Missouri St Louis, Hoa Kỳ													x
5	ĐH	IEI	7480201_LK	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN 2+1 (chuyên ngành Quản lý An ninh mạng, Đại học Turku, Phần Lan cấp bằng)													x

Phụ lục V. Nội dung đăng ký ưu tiên xét tuyển vào đại học năm 2021
(khai báo trực tuyến tại địa chỉ: tuyensinh.vnuhcm.edu.vn)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
4 x 6

PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC
NĂM 2021

1. Họ và tên của thí sinh (như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....

Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì có số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. Nơi sinh (xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố)

.....
.....

4. Số Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân
(Ghi mỗi chữ số vào một ô)

Ngày cấp:.....Nơi cấp:

Quốc tịch:.....Dân tộc:Tôn Giáo:.....

5. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT

Mã tỉnh
(Tp)

Mã huyện
(quận)

Mã xã
(phường)

Ghi rõ tên tỉnh (thành phố), huyện (quận), xã (phường) vào dòng trống phía dưới

.....

Hộ khẩu thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1: Hộ khẩu thường trú trên 18 tháng tại xã đặc biệt khó khăn:

6. Nơi học THPT (tên trường, xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố và ghi mã tỉnh, mã trường)

Năm lớp 10:

.....

Năm lớp 11:

.....

Năm lớp 12:

.....

Mã tỉnh
(Tp)

Mã
Trường

(Mục 5, mục 6: thông tin theo danh mục của Bộ GD&ĐT quy định năm 2021)

7. **Đối tượng ưu tiên:** Khoanh tròn vào loại đối tượng ưu tiên được hưởng (01, 02, 03, 04, 05, 06, 07)

Sau đó ghi ký hiệu vào 2 ô bên cạnh, nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống

8. **Khu vực ưu tiên:** Thuộc khu vực nào khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó (KV1, KV2-NT, KV2, KV3)

Sau đó ghi mã khu vực (1: KV1; 2NT: KV2-NT; 2: KV2; 3: KV3) vào ô trống bên cạnh

9. **Năm tốt nghiệp THPT** (Ghi đủ 4 số của năm tốt nghiệp vào ô)

10. **Danh hiệu học sinh khá/giỏi** (Giỏi đánh dấu X)

Lớp 10

Lớp 11

Lớp 12

11. **Là thành viên đội tuyển của trường, tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia**

Môn:

Năm:

Hoặc đạt thành tích trong các kỳ thi học sinh giỏi/khoa học kỹ thuật các cấp

Kỳ thi:

Loại giải:

12. **Đạt hạnh kiểm**

Năm lớp 10	Năm lớp 11	Năm lớp 12

13. **Kết quả học THPT** (điểm trung bình cả năm của các môn học)

Stt	Môn học/các hoạt động giáo dục	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1	Toán			
2	Vật lí			
3	Hoá học			
4	Sinh học			
5	Tin học			
6	Ngữ văn			
7	Lịch sử			
8	Địa lý			
9	Ngoại ngữ (tiếng Anh)			
10	Ngoại ngữ khác			
11	Giáo dục Công dân			
12	Công nghệ			
13	Giáo dục Quốc phòng An Ninh			
14	Điểm trung bình năm học			

14. Đăng ký nguyện vọng ưu tiên xét tuyển (UTXT)

Thí sinh đăng ký tối đa 03 nguyện vọng vào 01 Trường/Khoa/Phân hiệu (đơn vị) thuộc ĐHQG-HCM, không giới hạn số đơn vị (có phân biệt thứ tự nguyện vọng).

Số thứ tự nguyện vọng	Tên đơn vị	Mã tuyển sinh của đơn vị	Mã ngành/Nhóm ngành tuyển sinh	Tên ngành/Nhóm ngành tuyển sinh	Tổ hợp môn xét tuyển (nếu có)
1					
2					
3					
4					
5					
6					
...					

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

15. Địa chỉ báo tin

.....

.....

.....

Điện thoại (Nếu có): Email:

Thí sinh nộp kèm bản sao học bạ (lớp 10, lớp 11 và lớp 12) ở trường THPT và giấy xác nhận thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh/thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia (nếu có).

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12 trường
..... đã khai đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2021
Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2021
Chữ ký của thí sinh

